TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY SƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thành.
2. Ông Nguyễn Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2023/ QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ái P, sinh năm 1988 (Vắng mặt, có đơn).

- *Bị đơn*: Anh Cao Minh T, sinh năm 1980 (Vắng mặt lần 02).
Đồng địa chỉ: Tổ x, Khối Y, thị trấn PP, huyện T1, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu L hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ái P trình bày: chị và anh Cao Minh T kết hôn tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn PP, huyện T1 vào ngày 27/12/2006. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh T không chịu lao động, không quan tâm đến gia đình mà sa đà cờ bạc, nợ nần. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vợ chồng cắt đứt quan hệ, phần ai nấy sống từ năm 2019 đến nay. Nay xét thấy không thể chung sống, chị yêu cầu L hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên: Cao Thị Cẩm L, sinh ngày 10/4/2007 và Cao Minh T2, sinh ngày 17/3/2015 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung (L và T2) đến trưởng thành; yêu

cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 1.000.000đ/con, từ tháng 8/2023 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn anh Cao Minh T vắng mặt không có lý do: anh Cao Minh T đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Biên bản xác minh ngày 17/7/2023, Công an thị trấn PP cung cấp: anh Cao Minh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ x, Khối Y, thị trấn PP, huyện T1; chưa cắt khẩu, chuyển khẩu đi nơi khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTT Dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Chị Nguyễn Thị Ái P được ly hôn anh Cao Minh T. Về con chung: giao 02 con chung Cao Thị Cẩm L, sinh ngày 10/4/2007 và Cao Minh T2, sinh ngày 17/3/2015 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh T cấp dưỡng nuôi con với mức 900.000đ/con/tháng kể từ tháng 9/2023 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ái P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Cao Minh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ái P và anh Cao Minh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn PP, huyện T1 vào ngày 27/12/2006 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng trong quan điểm sống; anh T không lo làm ăn mà sa đà cờ bạc, nợ nần; chị P đã khuyên nhủ, bỏ qua để tiếp tục

chung sống nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Mâu thuẫn không được giải quyết mà kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng cắt đứt quan hệ, phần ai nấy sống từ năm 2019. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị P yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ái P và anh Cao Minh T có 02 con chung tên: Cao Thị Cẩm L, sinh ngày 10/4/2007 và Cao Minh T2, sinh ngày 17/3/2015, hiện đang sống với chị P. Khi L hôn, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung (L và T2) đến trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị P là phù hợp với nguyện vọng của hai con chung (đều muốn sống cùng mẹ), đảm bảo điều kiện phát triển cho trẻ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nghị nên chấp nhận.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị P yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ/con/tháng. HĐXX xét thấy mức yêu cầu này là phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại các Điều 107 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nghị nên chấp nhận. Buộc anh T bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 9/2023 đến khi 2 con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm:

- Án phí L hôn sơ thẩm Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: cần buộc chị Nguyễn Thị Ái P phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0007890 ngày 11/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; Chị Nguyễn Thị Ái P đã nộp đủ án phí.

- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Cao Minh T phải nộp 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ái P:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ái P được L hôn anh Cao Minh T.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Cao Thị Cẩm L, sinh ngày 10/4/2007 và Cao Minh T2, sinh ngày 17/3/2015 cho chị Nguyễn Thị Ái P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Cao Minh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng với mức 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ tháng cho mỗi con, bắt đầu thực hiện từ tháng 9/2023 cho đến khi 02 con chung Cao Thị Cẩm L và Cao Minh T2 đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

2/ Về án phí L hôn sơ thẩm:

- Án phí L hôn sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Ái P phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0007890 ngày 11/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; Chị P đã nộp đủ án phí.

- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Cao Minh T phải nộp 300.000đ.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4/ Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND thị trấn PP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Giang Nam